TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH THANH HÓA	

Bản án số: 13/2024/HS-ST

Ngày: 28 - 3- 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Ngọc Bình

2. Bà Trịnh Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan - Là thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2024/TLST- HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Lê, xã Qu, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ: Bùi Ngọc Á (đã ly hôn), có 01 con. Tiền án: Ngày 25/01/2018 Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999; phạt tiền bổ sung 8.000.000 đồng và 200.000đ án phí HSST (ngày 14/6/2018 Nguyễn Văn D đã nộp 200.000đ án phí HSST và 800.000đ tiền phạt bổ sung; còn thiếu số tiền phạt bổ sung 7.200.000đ đến nay D chưa thi hành). Ngày 27/7/2018 Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 và 200.000đ án phí HSST, D kháng cáo. Ngày

31/10/2018, Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm, tuyên y án sơ thẩm 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và 200.000đ án phí HSPT. Ngày 21/9/2022 D chấp hành xong hình phạt tù. Đến ngày 16/7/2023 D thực hiện hành vi phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Hiện D chưa nộp án phí của 02 bản án này. Tiền sự: không. Tạm giữ từ ngày 17/7/2023, đến ngày 23/7/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T - sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Lê Thị N; vợ: chưa. Tiền án: không. Tiền sự: Ngày 01/11/2022 Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 6.500.000đ về hành vi "Gây mất trật tự công cộng" (đã nộp phạt ngày 08/3/2024). Nhân thân: Ngày 04/8/2014 Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 200.000đ về hành vi "Gây mất trật tự công cộng" (đã nộp phạt ngày 29/10/2014). Tạm giữ từ ngày 17/7/2023 đến ngày 23/7/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn V - sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị N; vợ: chưa. Tiền án, Tiền sự: không. Tạm giữ từ ngày 17/7/2023 đến ngày 23/7/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Hữu S, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu T và bà Phạm Thị S; vợ: Nguyễn Thị T, có 01 con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 14/11/2013 Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 và 200.000đ án phí HSST. Ngày 27/8/2014 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 20/5/2014 nộp đủ 200.000đ án phí HSST. Tạm giữ từ ngày 17/7/2023 đến ngày 23/7/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17h45' ngày 16/7/2023, Tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện Q phối hợp cùng Công an xã Quảng Lộc đang làm nhiệm vụ tại địa bàn xã Q, huyện Quảng Xương thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân với nội dung: Tại nhà của Lê Hữu S (sinh năm 1989, ở thôn L, xã Q, huyện

Quảng Xương) có các đối tượng có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma tuý. Qua kiểm tra Tổ công tác phát hiện tại gian phòng phía sân sau nhà ở của Lê Hữu S có 04 đối tượng gồm: Lê Hữu S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn V có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma tuý. Tại chỗ, Tổ công tác thu giữ: 06 viên nén màu hồng, đường kính mỗi viên khoảng 0,5cm (nghi ma túy dạng hồng phiến); 01 bộ dụng cụ tự chế gồm vỏ chai nhựa, miệng chai lắp ống hút, thân chai lắp ống tre; 01 mảnh giấy bạc đã qua sử dụng; 01 bật lửa. Ngoài ra còn thu giữ của Lê Hữu S 01 điện thoại di động Nokia bàn phím bấm; thu giữ của Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max và 01 điện thoại di động Iphone 7; thu giữ của Phạm Văn T 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, 01 điện thoại di động Nokia bàn phím bấm và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter gắn biển kiểm soát 36B5-806.58. Sau đó, lực lượng Công an đã mời người chứng kiến, tiến hành niêm phong tang vật và lập biên bản theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số 2691/KL-KTHS ngày 20/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Tìm thấy chất ma tuý, loại Methamphetamine trong các mẫu nước tiểu thu của Phạm Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn V, Lê Hữu S gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 2689/KL-KTHS ngày 20/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: 06 viên nén màu hồng, đường kính mỗi viên khoảng 0,5cm gửi giám định là ma tuý có tổng khối lượng 0,606 gam loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận:

Khoảng 0h ngày 16/7/2023, Nguyễn Văn V, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D đến nhà của Lê Hữu S ngồi chơi, nói chuyện tại gian phòng ở phía sân sau. Lúc này, D nảy sinh ý định muốn mua ma túy hồng phiến về cho bốn người cùng sử dụng nên rủ V, T, S thì cả ba đều đồng ý. Sau đó, D bảo V gọi điện cho một người tên T mua 10 viên hồng phiến thì V đồng ý và mượn chiếc điện thoại di động Nokia bàn phím bấm lắp sim số 0986169861 của S để gọi cho T, S đồng ý. V gọi đến số điện thoại 0932498561 của T hỏi mua 10 viên hồng phiến, T đồng ý và bảo V chuyển khoản tiền mua ma tuý là 1.200.000đ, đồng thời T đọc số tài khoản ngân hàng của Tuấn qua điện thoại cho V, lúc này D ngồi bên cạnh nghe và vào phần mềm Mobile Banking cài trên điện thoại di động Iphone 7 của D nhập số tài khoản T đọc rồi chuyển số tiền 1.200.000đ từ số tài khoản 1990156868 (ngân hàng MB) của D sang số tài khoản 0007191668 (ngân hàng SHB) đứng tên "Nguyen Huy T". Khi D chuyển tiền xong, V cầm theo điện thoại của S và mượn chiếc xe mô tô Yamaha Exciter BKS: 36B5-806.58 của T để đi lấy ma tuý, T đồng ý. Đến khoảng 02h cùng ngày, sau khi mua được 10 viên ma tuý hồng phiến (bọc trong giấy bạc) V mang ma tuý về nhà và đặt lên mặt bàn nơi D, T, S đang ngồi. Lúc này, S đi xuống gian nhà dưới lấy một bộ dụng cụ do S tự chế (gồm vỏ chai nhựa, miệng chai lắp ống hút,

thân chai lắp ống tre) đặt lên mặt bàn, bật lửa S đã để sẵn trên bàn từ trước. Sau đó S, T, V, D mỗi người lấy hai viên hồng phiến sử dụng bỏ lên giấy bạc dùng bật lửa đốt và hít qua bộ dụng cụ tự chế của S. Hai viên hồng phiến còn lại thì cả bốn người cùng nhau sử dụng hết. Đến sáng sớm cùng ngày thì T, D, V ra về.

Đến khoảng 16h ngày 16/7/2023, Nguyễn Văn V, Phạm Văn T tiếp tục đến nhà Lê Hữu S ngồi chơi tại gian phòng ở phía sân sau. Khi Thắng, V đang ngồi chơi thì Nguyễn Văn D sử dụng điện thoại di động Iphone 7 của D nhắn tin cho T rủ T mua ma túy hồng phiến về sử dụng chung, T đồng ý. Sau đó, D chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền là 1.200.000đ từ số tài khoản 1990156868 (ngân hàng MB) của D sang số tài khoản 0972013636 (ngân hàng MB) của T. Lúc này T bảo V gọi điện cho T hỏi mua 10 viên hồng phiến, V đồng ý rồi mượn điện thoại di động Nokia bàn phím bấm của S để gọi cho T, S đồng ý. V gọi điện thoại cho T hỏi mua 10 viên hồng phiến, T đồng ý và bảo V chuyển khoản tiền mua ma tuý là 1.200.000đ, đồng thời T đọc số tài khoản ngân hàng của Tuấn qua điện thoại cho V. Lúc này, T ngồi bên cạnh nghe và vào phần mềm Mobile Banking cài trên điện thoại di động Samsung Galaxy A11 của T nhập số tài khoản Tuấn đọc rồi chuyển số tiền 1.200.000đ từ số tài khoản 0972013636 (ngân hàng MB) của T sang số tài khoản 4321131 (ngân hàng ACB) đứng tên "Nguyen Huy T". Khi T chuyển tiền xong, Vũ cầm theo điện thoại của S và mượn chiếc xe mô tô Yamaha Exciter BKS: 36B5-806.58 của T để đi lấy ma tuý, T đồng ý. Khoảng 17h cùng ngày, D đến nhà S ngồi chơi, nói chuyện với T, S đợi V mang ma tuý về để cả nhóm sử dụng. Khoảng 17h45' cùng ngày, V trở về và đặt một gói giấy bạc chứa 10 viên hồng phiến lên mặt bàn. S lấy ra bộ dụng cụ tự chế để sử dụng hồng phiến và 01 cuộn giấy bạc để lên mặt bàn, sau đó S lấy 03 viên hồng phiến bỏ lên giấy bạc rồi dùng bật lửa có sẵn trên bàn đốt và sử dụng hết qua bộ dụng cụ tự chế. T, D, V mỗi người tự lấy một viên hồng phiến cầm trên tay để chuẩn bị sử dụng. Khi S vừa sử dụng xong thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật và lập biên bản theo quy định. Đối với viên hồng phiến Nguyễn Văn V cầm trên tay để chuẩn bị sử dụng, khi thấy lực lượng Công an đến V đã ném viên hồng phiến ra ngoài cửa sổ. Cơ quan CSĐT đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm thấy nên không thu giữ được.

Về nguồn gốc số ma tuý trên, Nguyễn Văn V khai báo đã mua ma tuý của Tuấn tại thôn M, xã Q, Thành phố S; T sử dụng số tài khoản 0007191668 (ngân hàng SHB) và số tài khoản 4321131 (ngân hàng ACB) nhận tiền chuyển khoản mua ma tuý từ Phạm Văn T, Nguyễn Văn D. Qua xác minh hai số tài khoản trên đều đứng tên chủ tài khoản là Nguyễn Huy T (sinh năm 1991, ở thôn M, xã Q, Thành phố S). Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Huy T tại thôn M, xã Q, Thành phố S nhưng không phát hiện, thu giữ tài liệu, tang vật gì liên quan đến vụ án. Đối với số điện thoại 0932498561 Nguyễn Văn V khai báo đã liên lạc để mua ma tuý của T. Qua tra cứu thông tin chủ thuê bao tại nhà mạng MobiFone, kết quả số điện thoại trên đứng tên ông Nguyễn Thọ Đ (sinh năm 1951, ở thôn Đ, xã Đ,

Thành phố T). Làm việc với ông Nguyễn Thọ Đ, ông Đ khẳng định chưa từng đăng ký và sử dụng số điện thoại trên. Tiến hành cho các bị can Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Văn V và Lê Hữu S nhận dạng ảnh của Nguyễn Huy T nhưng cả bốn bị can đều không nhận dạng được. Cơ quan CSĐT đã nhiều lần tiến hành triệu tập Nguyễn Huy T để làm việc, tuy nhiên qua xác minh, T không có mặt tại địa phương, hiện chưa xác định được T đang ở đâu, làm gì. Đến nay Cơ quan CSĐT vẫn chưa làm việc được với T nên chưa đủ căn cứ để xử lý Nguyễn Huy T về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan CSĐT đã tách hành vi của T để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ tiến hành xem xét, xử lý Nguyễn Huy T theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS-QX ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Nguyễn Văn D về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 của BLHS. Phạm Văn T, Nguyễn Văn V, Lê Hữu S về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm a, b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị hội đồng xét xử áp dụng:

1. Nguyễn Văn D: điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù.

2. Phạm Văn T: điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù

3. Lê Hữu S: điểm a, b khoản 2 Điều 255;điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù

4. Nguyễn Văn V: điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội không thu lời bất chính, là lao động tự do thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định (0,460 gam Methamphetamine) được đựng trong phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 bộ dụng cụ tự chế (gồm một vỏ chai nhựa, miệng chai lắp ống hút, thân chai lắp ống tre); 01 mảnh giấy bạc đã qua sử dụng; 01 bật lửa ga; đều không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy;

+ Đối với 01 điện thoại di động Nokia bàn phím bấm thu giữ của Lê Hữu Sỹ; 01 điện thoại di động Iphone 7 thu giữ của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter gắn biển kiểm soát 36B5-806.58 thu giữ của Phạm Văn T là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà Nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max thu giữ của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động Nokia bàn phím bấm thu giữ của Phạm Văn T không có liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho D, T.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tốtụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].Tại phiên toà hôm nay: Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, người làm chứng, tang vật thu được trong vụ án, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 17h45’ ngày 16/7/2023, tại nhà của Lê Hữu S ở thôn L, xã Q, huyện Q tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Văn V và Lê Hữu S đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Methamphetamine) thì bị Tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện Quảng Xương phối hợp cùng Công an xã Quảng L phát hiện, bắt quả tang. Tại chỗ thu giữ tang vật gồm: 06 viên nén màu hồng, đường kính mỗi viên khoảng 0,5cm (có tổng khối lượng 0,606 gam Methamphetamine); 01 bộ dụng cụ tự chế gồm vỏ chai nhựa, miệng chai lắp ống hút, thân chai lắp ống tre; 01 mảnh giấy bạc đã qua sử dụng; 01 bật lửa. Ngoài ra, trước đó vào khoảng 02 giờ ngày 16/7/2023, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Văn V và Lê Hữu S đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà ở của Lê Hữu S.

[3]. Hành vi 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và đối với 02 người trở lên (kể cả người đồng phạm) nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt được qui định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS. Đối với bị cáo D bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xoá án, lần này lại thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên thuộc trường hợp tình tiết định khung hình phạt "Tái phạm nguy hiểm " được qui định tại điểm h khoản 2 Điều 255 của BLHS. Nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm a,b, h khoản 2 Điều 255 của BLHS. Phạm Văn T, Nguyễn Văn V, Lê Hữu S về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật.

[4]. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi của các bị cáo có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 của BLHS. Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn V, Lê Hữu Svề tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[5]. Tính chất vụ án: Tội phạm về ma túy là những tội phạm nguy hiểm, nó đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội, ma tuý không những gây ảnh hưởng đến sức khỏe, phẩm giá con người, làm suy thoái nòi giống, phá hoại hạnh phúc gia đình mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo đã ngang nhiên mua ma túy về để cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của nhà nước, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Do vậy phải được xử lý nghiêm minh.

[6].Về vai trò, nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó Nguyễn Văn D là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, đồng thời là người chi tiền mua ma tuý để các bị cáo cùng sử dụng nên có vai trò thứ nhất trong vụ án, phạm tội với 03 tình tiết định khung nên có mức án cao nhất là phù hợp. Đối với Nguyễn Văn V, Phạm Văn T, Lê Hữu S là những người tiếp nhận ý chí từ D tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, trong đó: T là người chuyển tiền cho đối tượng bán ma tuý và đưa xe máy của mình cho Vũ đi lấy ma tuý; S là người cho Vũ mượn điện thoại để liên lạc hỏi mua ma tuý, sử dụng nhà ở của mình và cung cấp bộ dụng cụ để các bị cáo cùng nhau sử dụng ma tuý tại nhà mình;V là người điện thoại và trực tiếp đi lấy ma tuý. Đánh giá 03 bị cáo có vai trò ngang nhau và đứng thứ hai sau D. Bị cáo T, S có nhân thân xấu vì vậy mức án của T, S sẽ bằng nhau nhưng cao hơn V là phù hợp. Bị cáo V nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, nên mức áp thấp nhất là phù hợp.

[7]. Với tính chất rất nghiêm trọng của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thì việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, để cải

tạo giáo dục các bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo một phần vì quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo D gia đình hộ nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của địa phương) cũng nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhưng không thu lời bất chính, các bị cáo đều lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[9]. Về vật chứng:

- Đối với số ma túy thu giữ đã được niêm phong bằng phong bì của Phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Thanh Hóa (là các mẫu vật còn lại sau giám định), hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương , đây là chất nhà nước cấm lưu hành sử dụng, căn cứ khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS và điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 bộ dụng cụ tự chế (gồm một vỏ chai nhựa, miệng chai lắp ống hút, thân chai lắp ống tre); 01 mảnh giấy bạc đã qua sử dụng; 01 bật lửa ga; những vật chứng này đều không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen bàn phím bấm, số IMEI1: 358889079286146, IMEI2: 358889079286153, gắn thẻ sim số 0986196861 thu giữ của Lê Hữu Sỹ; 01 điện thoại di động Iphone 7, số IMEI: 359210076617655, gắn thẻ sim số 0964077007 thu giữ của Nguyễn Văn Dũng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, số IMEI1: 355629118657490, IMEI2: 355630118657498, gắn thẻ sim số 0971203636 và 01 xe mô tô dán nhãn Yamaha Exciter gắn biển kiểm soát 36B5-806.58 số khung: RLCUG0610HY465009, số máy: G3D4E-486125 thu giữ của Phạm Văn T là công cụ, phương tiện phạm tội, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số IMEI: 352857112785072, IMEI2: 352857113930330, gắn thẻ sim số 0984073448 thu giữ của Nguyễn Văn Dũng; 01 điện thoại di động Nokiamàu đen, dạng bàn phím bấm, số IMEI: 357332564305627, IMEI2: 357332564805626, gắn thẻ sim số 0972013636thu giữ của Phạm Văn T không có liên quan đến hành vi phạm tội, nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho Dũng, Thắng.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2024).

[10]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a,b, h khoản 2 Điều 255 BLHS (đối với bị cáo D); điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS (đối với bị cáo V, T, S); điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với các bị cáo); khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo D); Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với các bị cáo).

Điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên bố: Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Văn V, Lê Hữu S phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

1. Xử phạt: Nguyễn Văn D 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2023.

2. Xử phạt: Phạm Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2023.

3. Xử phạt: Lê Hữu S07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2023.

4. Xử phạt: Nguyễn Văn V07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2023.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong bằng phong bì của Phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ dụng cụ tự chế (gồm một vỏ chai nhựa, miệng chai lắp ống hút, thân chai lắp ống tre); 01 mảnh giấy bạc đã qua sử dụng; 01 bật lửa ga;

- Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động Nokia màu đen bàn phím bấm, số IMEI1: 358889079286146, IMEI2: 358889079286153, gắn thẻ sim số 0986196861; 01 điện thoại di động Iphone 7, số IMEI: 359210076617655, gắn thẻ sim số 0964077007; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A11, số IMEI1: 355629118657490, IMEI2: 355630118657498, gắn thẻ sim số 0971203636 và 01 xe mô tô dán nhãn Yamaha Exciter; màu sơn: Đen; gắn biển kiểm soát 36B5-806.58, chủ xe Phạm Văn T; số khung: RLCUG0610HY465009; số máy: G3D4E-486125; dung tích xi lanh: 149,8.

- Trả lại cho bị cáo Dũng 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số IMEI: 352857112785072, IMEI2: 352857113930330, gắn thẻ sim số 0984073448. Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia màu đen, dạng bàn phím bấm, số IMEI: 357332564305627, IMEI2: 357332564805626, gắn thẻ sim số 0972013636.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2024).

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Quảng Xương
- Công an huyện Quảng Xương
- THA DS huyện Quảng Xương
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Bùi Thị Huyền